

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 5 - 2023

*V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lành Văn Huế

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Dũng

Ông Phan Văn trường

*- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Bích Ngọc – Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham
gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.*

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn,
tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:
164/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-DS ngày
07/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-DS, ngày 27/4/2023,
giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Anh Hoàng Công N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn L, xã
L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.*

*- Bị đơn: Chị Luân Thị B, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện
B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như lời khai tại phiên tòa nguyên
đơn anh Hoàng Công N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Công N và chị Luân Thị B kết hôn vào
ngày 21/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng
Sơn. Trước khi kết hôn, anh N và chị B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với

nhau không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh N và chị B đã cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng không được. Anh N và chị B đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Nghiệp xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh N yêu cầu được ly hôn với chị Luân Thị B.

Về con chung: Có hai người con chung là Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 18/3/2009 và Hoàng Gia H, sinh ngày 11/10/2018. Khi ly hôn anh N yêu cầu được nuôi cháu Hoàng Gia H đến tuổi trưởng thành, đối với cháu Hoàng Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Luân Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Luân Thị B và anh Hoàng Công N kết hôn vào ngày 21/4/2009. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, chị B và anh N sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Chị B đã khuyên bảo anh N nhưng không được, chị B và anh N đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị B yêu cầu anh Hoàng Công N về đoàn tụ gia đình cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Có hai người con chung là Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 18/3/2009 và Hoàng Gia H, sinh ngày 11/10/2018. Nếu phải ly hôn chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Gia H là 2.000.000đ/tháng đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Lời khai của cháu Hoàng Thị Thu H trình bày: Cháu Hoàng Thị Thu H có nguyện vọng ở với mẹ là chị Luân Thị B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, thủ

tục phiên tòa được thực hiện đúng, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn anh Hoàng Công N đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn chị Luân Thị B có mặt viết bản tự khai, tham gia mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên tại phiên tòa ngày 27/4/2023 và phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ hai lần mà chị Bình vắng mặt không có lý do. Do vậy chị Luân Thị B không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Công N. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh Hoàng Công N đồng ý cho chị Luân Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Thu Hằng, sinh ngày 18/3/2009, cháu Hoàng Gia Huy, sinh ngày 11/10/2018 đến khi trưởng thành và sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/người/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2023. Anh Hoàng Công N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Hoàng Công N phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập phiên tòa hợp lệ tại ngày 27/4/2023 cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Luân Thị B cố tình vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của chị Luân Thị B không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Hoàng Công N khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung, vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Luân Thị B cư trú tại Thôn L, xã L, huyện B. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện. Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về phần con chung, tài sản chung và nợ chung.

Các đương sự không có ý kiến khiếu nại gì về thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa bị đơn chị Luân Thị B đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ hai lần vắng mặt không có lý do. Do vậy chị Luân Thị B không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Hoàng Công N và chị Luân Thị B là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/4/2009, tại Ủy ban nhân dân xã Long Đông, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hợp nhau. Nguyên nhân do nghi ngờ nhau về quan hệ tình cảm. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng vẫn không cải thiện được. Đến đầu năm 2020, anh Hoàng Công N ra ngoài quán bán hàng ở tại thị trấn B, huyện B, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì nhau. Từ khi vợ chồng sống ly thân cả anh Hoàng Công N và chị Luân Thị B đều thừa nhận không ai còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện nay anh Hoàng Công N xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Luân Thị B nữa và yêu cầu được ly hôn với chị Luân Thị B. Quá trình giải quyết vụ án chị Luân Thị B cho rằng chị vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh Hoàng Công N, việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, chị Luân Thị B không đồng ý theo yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Công N, chị Luân Thị B yêu cầu được đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy các con. Mặc dù chị Luân Thị B yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng từ khi vợ chồng mâu thuẫn đến nay chị cũng chưa có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hoàng Công N và chị Luân Thị B đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn lại được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Công N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Hoàng Công N và chị Luân Thị B có 02 con chung tên là Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 18/3/2009 và Hoàng Gia H, sinh ngày 11/10/2018, hiện hai cháu đang ở với chị Luân Thị B. Quá trình giải quyết vụ án chị Luân Thị B có ý kiến trường hợp phải ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai cháu đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh Hoàng Công N cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Gia H là 2.000.000đ/tháng. Tại phiên tòa anh Hoàng Công N đồng ý cho chị Luân Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Thu H và cháu Hoàng Gia H đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/người/tháng đến khi cháu H và cháu H đủ 18 tuổi. Xét thấy, nguyện vọng của chị Luân Thị B nếu phải ly hôn yêu cầu được nuôi cả hai cháu và anh Hoàng Công N cùng đồng ý theo nguyện vọng của chị Luân Thị B là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của chị Luân Thị B, cháu Hoàng Thị Thu H nên cần giao cháu Hoàng Thị Thu H và cháu Hoàng Gia H cho chị Luân Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành hoặc đến khi anh Hoàng Công N và chị Luân Thị B có yêu cầu khác. Xét việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của anh Hoàng Công N và chị Luân Thị B và để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho cháu Hoàng Thị Thu H

và cháu Hoàng Gia H có cuộc sống đảm bảo cũng như phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện kinh tế của mỗi người để áp dụng mức cấp dưỡng cho phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Hoàng Công N tự nguyện được cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/người/tháng và về thời hạn cấp dưỡng từ ngày 01/5/2023. Xét thấy, sự tự nguyện về mức cấp dưỡng và thời hạn cấp dưỡng nuôi con của anh Hoàng Công N là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh Hoàng Công N và chị Luân Thị B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Buộc anh Hoàng Công N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Công N được ly hôn với chị Luân Thị B.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 18/3/2009 và cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 11/10/2018 cho chị Luân Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Hoàng Công N phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/người/tháng đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Công N có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền thay đổi nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Hoàng Công N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Hoàng Công N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002859 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn. Anh Hoàng Công N còn phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Anh Hoàng Công N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Luân Thị B vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã L, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lành Văn Huế